

Số:430 /BVLVBP
V/v Yêu cầu chào giá mua
sắm trang thiết bị y tế năm
2025.

Ninh Thuận, ngày 13 tháng 5 năm 2025

Kính gửi: Các công ty sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Ninh Thuận đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở mua sắm trang thiết bị y tế năm 2025. Mời các nhà cung ứng có đủ năng lực theo quy định tham gia chào giá mua sắm trang thiết bị y tế năm 2025 cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Ninh Thuận

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Phước Thuận, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bảng ký đóng dấu gửi về : Phòng Tổ chức hành chính – Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Ninh Thuận

Thông tin người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phương – Khoa Dược
– VTYT – SĐT: 0979.168.211

File mềm gửi vào địa chỉ Mail: dauthaubvlvpnt@gmail.com.

3. Các giấy tờ pháp lý gửi kèm theo:

- Hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

(Tài liệu gửi về Bệnh viện phải được niêm phong theo quy định)

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 14 h 00 phút ngày 13 tháng 5 năm 2025 đến 15 h 00 phút ngày 26 tháng 5 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục mua sắm trang thiết bị y tế năm 2025 (Theo phụ lục đính kèm)
- Mẫu báo giá (Theo phụ lục 2 đính kèm)
- Số lượng báo giá: 02 bảng có dấu đỏ
- Đơn giá trên báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển, lắp đặt và các chi phí khác (nếu có).

Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Ninh Thuận kính mời các công ty sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam tham gia báo giá đúng thời gian nêu trên./.

Nơi nhận :

- Như trên ;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC

Trần Trọng Danh

PHỤ LỤC HÀNG HÓA XIN BẢO GIÁ

(Đính kèm Công văn số 430/BVLVBP Ngày 13/5/2025 của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Ninh Thuận)

STT	DANH MỤC CẤU HÌNH TÍNH NĂNG KỸ THUẬT THIẾT BỊ
1	Máy xét nghiệm sinh hóa các loại
	Đơn vị tính: Cái
	Số lượng: 01 cái
Cấu hình tính năng kỹ thuật của thiết bị	
1.1	Yêu cầu chung
	- Thiết bị mới 100% - Thiết bị được sản xuất năm 2024 trở về sau - Tiêu chuẩn của thiết bị, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương
2.1	Yêu cầu cấu hình cung cấp
	- Máy xét nghiệm sinh hóa tự động: 1 cái - Lò đun hóa chất: 1 bộ - Bộ hóa chất chạy thử máy: 1 bộ (GOT: 1 hộp, Glucose: 1 hộp, URE UV: 1 hộp, 1 lọ Calibrator 5ml, 2 lọ QC 5ml) - Can đựng nước rửa 20 lít + dây dẫn tích hợp cảm biến mức chất lỏng: 1 bộ - Can đựng nước thải 20 lít + dây dẫn tích hợp cảm biến mức chất lỏng: 1 cái - Can đựng hóa chất rửa máy 2 lít + dây dẫn tích hợp cảm biến mức chất lỏng: 1 cái - Dây nguồn: 1 cái - Bộ máy tính, máy in đen trắng in được khổ giấy A5, A4: 01 bộ - Tài liệu HDSD tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ
2.2	Chỉ tiêu kỹ thuật
	Đặc tính, thông số kỹ thuật Nguồn điện: 100 - 240VAC, 50/60 Hz, 1 pha. Công suất tiêu thụ ≤ 200 VA Tay hút mẫu: 1 kim hút mẫu, hành trình kim hút mẫu 110mm. Cảm biến mức chất lỏng kiểu điện dung

Cảm biến sức kim

Xy-Lanh:

Pittong tuổi thọ cao

Dung tích Xy-lanh $\geq 368\mu\text{l}$, độ phân giải $\geq 0.14\mu\text{l}$

Hệ thống vận chuyển chất lỏng:

Gồm 8 bơm nhu động với dây bơm có thể thay thế, 2 bơm chân không, Van kẹp, Các can đựng: can nước 20 lít, can đựng hóa chất rửa 2 lít, can đựng chất thải 20 lít

Cung cấp cùng với dây kết nối an toàn và cảm biến mức chất lỏng

Hệ thống rửa:

Bao gồm ≥ 6 kim xả, ≥ 6 kim hút, ≥ 1 kim rửa (≥ 8 lần rửa cho mỗi cuvet)

Khay hóa chất:

Gồm ≥ 30 lọ đựng hóa chất dung tích 50ml hoặc 24ml (dung tích khay hóa chất tối đa tới $\geq 1.500\text{ml}$), khay hóa chất được làm mát và có thể dịch chuyển

Khay bệnh phẩm:

Tiêu chuẩn: Khay có thể dịch chuyển, ≥ 60 vị trí, ống 12-13mm, 5-7 ml/ cup 1 ml (các cup cần bộ adapter kim loại cho sự phát hiện mức)

Chọn thêm: Khay có thể dịch chuyển, 20 + 20 vị trí được đánh số, 20 ống 12-16mm/ 20 cup (kiểu 3,5ml)

Khay Cuvét:

Gồm 80 cuvet có thể rửa, cho phép chạy được ≥ 30.000 test. Đường quang 6mm, thể tích phản ứng 210 – 350 μl , trở kháng bộ tạo nhiệt 100W, có cảm biến nhiệt độ và bộ an toàn nhiệt

Hệ thống quang học:

1 bóng đèn halogen (6V, 10W) với 2 thấu kính mở rộng cho tia UV truyền qua, Đĩa kính lọc có 10 vị trí, Có 8 vị trí có kính lọc tương ứng các bước sóng: 340, 405, 505, 546, 478, 600, 650, 700nm, 1 vị trí tự do và 1 vị trí tối.

Đọc trực tiếp phản ứng trên các cuvet, đường quang 6mm $\pm 2\text{nm}$ trên đỉnh bước sóng.

Bộ khuếch đại quang:

Bộ phát hiện tế bào quang điện, tín hiệu mạch khuếch đại: dải đáp ứng từ 340 nm đến 900nm, dải quang điện từ 0 – 3.0 Abs , độ tuyến tính $\pm 0.5\%$ (từ 0.1 đến 1.500Abs)

Độ chính xác: 1% CV (từ 0.0050 đến 1.500 Abs)

Độ ổn định: đọc độ lệch hàng ngày, độ thay đổi nhỏ hơn 1% trong ngày

Bộ điều khiển:

Bộ điều khiển trên nền vi xử lý đa năng theo thời gian thực

Dễ dàng kiểm tra các bộ phận điện tử

Tính năng hoạt động:

Pipet:

Thể tích: mẫu 2-300 μ l, hóa chất: 2-350 μ l

Độ chính xác: 1.5CV% ở 2 μ l; 1CV% ở 4 μ l

Trộn bằng kim hút mẫu

Phản ứng: thể tích phản ứng: 210 - 350 μ l

Pha loãng mẫu:

Tự động tiến pha loãng trong 1 cuvet phản ứng, tỷ lệ pha loãng lên tới 1:100

Điều khiển nhiệt độ:

Nhiệt độ bảo quản hóa chất: thấp hơn nhiệt độ phòng khoảng 12°C

Nhiệt độ khay phản ứng có thể cài đặt từ nhiệt độ phòng đến 42°C $\pm$ 0.2°C (108°F $\pm$ 0.5°F)

Tốc độ đo:

$\geq$ 200 test/giờ khi chạy hóa chất đơn chất

Thời gian ủ + thời gian đọc tối đa: $\leq$ 638 giây

Độ chính xác tiêu biểu: Endpoint 2.0 CV% / Kinetic 2.0 CV%

Khởi động:

Quá trình khởi động máy thực hiện hàng ngày. Máy tự kiểm tra, đọc độ dịch quang học, rửa và kiểm tra toàn bộ cuvet

Bảo dưỡng:

Theo chương trình thông qua các bộ đến tuổi thọ các bộ phận

Rửa kim:

Kim hút mẫu được rửa cả trong và ngoài với chất rửa sau mỗi hoạt động



	<u>Kết nối:</u> Nguồn điện: Dây nguồn có thể tháo rời theo chuẩn VDE Máy tính mở rộng: qua cổng USB Host/LIS: Qua cổng mạng Lan trên máy tính (Bệnh phẩm, Danh sách làm việc, kết quả), chuẩn giao tiếp ASTM ASCII Yêu cầu khác: Máy sinh hoá tự động ≥ 200 test/giờ, Có thể sử dụng được hóa chất của nhiều hãng sản xuất.
2	Máy giặt, vắt
	Đơn vị tính : Cái
	Số lượng: 01 cái
Cấu hình tính năng kỹ thuật của thiết bị	
2.1	Yêu cầu chung
	- Máy mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, 13485 hoặc tương đương
2.2	Chỉ tiêu kỹ thuật
	Công suất máy $\geq 25\text{kg}$ Thể tích lồng ≥ 250 lít. Điện áp: 220V- 380V Công suất động cơ $\leq 2.2\text{KW}$ Máy giặt có chức năng giặt nước nóng phù hợp giặt đồ cần độ sạch và an toàn cao. Cửa khoá tự động bảo vệ an toàn trong quá trình hoạt động Hệ thống main cài đặt được tới ≥ 30 chương trình. Hệ thống lồng được làm bằng inox 304. Hệ thống cốc xả tràn có cửa che chắn. Tài liệu sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 cuốn
3	Máy điện tim
	Đơn vị tính: Cái
	Số lượng: 01 cái
Cấu hình tính năng kỹ thuật của thiết bị	

3.1	Yêu cầu chung
	- Máy mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau.
3.2	Yêu cầu cấu hình
	- Máy chính kèm màn hình màu: 01 cái - Phụ kiện đi kèm: +Cáp điện tim: 01 cái + Dây nguồn: 01 cái + Điện cực chi: 04 cái + Điện cực ngực: 06 cái + Giấy in theo máy: 01 cái + Bút lau đầu máy ghi nhiệt: 01 cái + Pin sạc: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ
3.3	Chỉ tiêu kỹ thuật
	1. Thu tín hiệu điện tim (ECG acquisition) - Đầu điện cực: 12 đầu - Độ nhạy: 10 mm/mV$\pm$2% - Chuẩn độ điện thế: 10 mm/mV$\pm$2% - Điện trở vào: ≥ 20 MQ - Hệ số lọc nhiễu: ≥ 100 dB Chuyển đổi tín hiệu số: 20 μV/LSB, 16 bit - Tần số đáp ứng: 0,05 Hz đến 150 Hz (-3 dB) (bộ lọc trôi: tắt, lọc cao tần: 150 Hz) - Kiểm tra điện cực: Mỗi điện cực (trừ điện cực N) - Thời gian thu thập tín hiệu ECG là 10 - 24 giây 2. Xử lý tín hiệu (Signal Processing) -Tỷ lệ lấy mẫu phân tích: ≥ 500 mẫu/ giây -Tỷ lệ thu thập mẫu: ≥ 8000 mẫu/ giây - Bộ lọc nhiễu AC: 50/60 Hz - Bộ lọc ức chế EMG: 25, 35 Hz - Hằng số thời gian: $\geq 3,2$ s - Bộ lọc nhiễu cao (High cut): 75, 100, 150 Hz - Phát hiện trạng thái sóng: tuột điện cực (điện thế phân cực), nhiễu (cao tần) - Điện thế phát hiện nhỏ nhất: ≤ 20 μVp-p - Bộ lọc chống trôi: yếu: 0,1 Hz (-20 db), mạnh: 0,1 Hz (-34 db) 3. Màn hình - Màn hình: màu LCD, kích thước $\geq 5,7$ inch.

	- Độ phân giải: $\geq 320 \times 240$ chấm - Hiển thị: 12 dạng sóng ECG, thông tin của bệnh nhân, cài đặt ghi, chế độ hoạt động, nhịp tim, phức hợp đồng bộ QRS, CAL mark, thông tin về lỗi vận hành, nhiều, điện cực bị rớt. 4. Máy ghi - Xử lý in: đầu in nhiệt độ có độ phân giải cao - Mật độ in: 200dpi (8 dots/mm), 320 dot/mm² (25mm/s), Chiều ngang: 40 dots/mm (25 mm/s), chiều dọc: 8 dots/mm - Khô giấy: 110 mm - Số kênh: 3, 4, 6 - Tốc độ giấy: 10; 12,5; 25; 50mm/ giây - Số đường ghi: lên tới 26 - Độ nhạy: 5, 10, 20 mm/mV - In lưới: Có sẵn - Thông số ghi: loại chương trình ghi, phiên bản, ngày và thời gian, tốc độ giấy, độ nhạy, bộ lọc, tên bệnh viện, thông tin bệnh nhân (số ID, tên, tuổi, giới tính), đánh dấu thời gian, đánh dấu kết quả phân tích, báo tiếp xúc mắc điện cực. 5. Chương trình phân tích kết quả ECG - Tuổi bệnh nhân phân tích: 3 tuổi đến người lớn - Thời gian phân tích: ≤ 5 giây - Mục tìm ra kết quả điện tim: khoảng 200 - Mục phân tích kết quả: 5 6. Các thông số kỹ thuật khác - Pin sạc 12V, hoạt động khoảng ≥ 60 phút (khi pin sạc đầy), thời gian sạc đầy là ≤ 10 giờ 7. Cổng giao tiếp - Đầu vào ngoài/ Kết nối ngoài CRO: 1 cổng - Cổng giao tiếp USB type A: 1 cổng - Khe cắm thẻ SD: 1 cổng (cho thẻ nhớ SD hoặc card LAN không dây SD)
4	Máy Spo2
	Đơn vị tính : Cái
	Số lượng: 06 cái
Cấu hình tính năng kỹ thuật của thiết bị	
4.1	Yêu cầu chung
	- Máy mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau.
4.2	Yêu cầu cấu hình

	- Máy chính: 01 máy - Cảm biến SpO2: 1 cái - Vỏ cáp: 1 cái - Hướng dẫn sử dụng tiếng anh và tiếng việt: 1 bộ
4.3	Chỉ tiêu kỹ thuật
	Hiển thị Hiển thị: Màn hình LCD màu TFT Kích cỡ: ≥ 3 inch(240 x 400 điểm) Độ sáng: 1~10 Đèn LED Hiển thị trạng thái nguồn: Đèn sử dụng nguồn AC:, Đèn sử dụng nguồn pin Cảnh báo Chỉ báo cảnh báo: Tin nhắn báo động, Âm thanh báo động, Đèn báo động Mức báo động Ưu tiên cao, Ưu tiên trung bình, Ưu tiên thấp Âm lượng báo động: 0~7 Âm báo tạm dừng: 30, 60, 90, 120 giây Xu hướng Bộ nhớ: Lưu liên tục trong ≥ 20 ngày (trong khoảng thời gian lưu 10 giây) Kết nối ngoài RS-232 nối tiếp: Kết nối với PC Hiệu suất Độ bão hòa (SpO2): - Phạm vi: 0~100% - Độ phân giải: 1% Nhịp tim - Phạm vi: 30~250bpm - Độ phân giải: 1 nhịp/phút - Độ chính xác: 30~250bpm, ± 3 chữ số Chỉ số tưới máu - Phạm vi: 0,05 ~ 20% Điện năng Thiết bị - Nguồn điện đầu vào: 9Vdc(Tối đa) - Định mức cầu chì: 5A, 32VAC/DC Bộ nguồn (Có thể sạc lại) - Nguồn điện đầu vào: 100-240 Vac, 50/60Hz - Nguồn điện đầu ra: 9Vdc, 3.34A Pin (Có thể sạc lại) - Loại: Pin Li-ion $\geq 3.7V$ bên trong

	- Thời gian sạc ≤ 6 giờ - Dung lượng pin: Thông thường là ≥ 8 giờ sử dụng pin mới, được sạc đầy Pin kiềm - Loại: 1,5V AA size x 4EA - Dung lượng pin: Lên đến 10 giờ Môi trường - Nhiệt độ bảo quản: $-20^{\circ}\text{C} \sim 70^{\circ}\text{C}$ - Nhiệt độ hoạt động: $5^{\circ}\text{C} \sim 35^{\circ}\text{C}$ - Độ ẩm hoạt động: $30\% \sim 85\%$, không ngưng tụ - Áp lực vận hành: $80\text{kPa} \sim 106\text{kPa}$ - Độ cao hoạt động: $0 \sim 2.000\text{m}$
5	Bồn rửa mắt khẩn cấp
	Đơn vị tính: Cái
	Số lượng: 02 cái
Cấu hình tính năng kỹ thuật của thiết bị	
5.1	Yêu cầu chung
	- Máy mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau.
5.2	Chỉ tiêu kỹ thuật
	- Chất liệu : Được làm hoàn toàn bằng inox không gỉ, đường kính bồn rửa 30cm. - Công dụng: Rửa mắt khẩn cấp khi bị dính hóa chất độc hại - Thông số kỹ thuật: Đầu vào phi 21, đầu nước thải phi 34, với 1 tay gạt mở khóa, 1 chậu, 1 đầu phun, 1 gắn tường. Màu sắc : Trắng bạc Kích hoạt tẩy rửa : Bằng tay (rất dễ sử dụng) Khả năng chịu áp lực nước : $0,2 \sim 0,4 \text{ (kg/cm}^2\text{)}$ Đầu ra nước của vòi rửa mắt : 15 (Lít / phút)

PHỤ LỤC 2

Tên công ty:

Địa chỉ:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi Ninh Thuận

Căn cứ Công văn mời báo giá số: 430 /BVLVBP ngày 13

tháng 5 năm 2025 của Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Ninh Thuận,

Công ty gửi báo giá các mặt hàng như sau:

STT	STT theo thư yêu cầu báo giá	Danh mục thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (gồm VAT) VNĐ	Chi phí cho các dịch vụ liên quan	Thành tiền
1												
2												
3												
.....												

Tổng số khoản:

Báo giá đã bao gồm chi phí vận chuyển và thuế VAT

Báo giá này có hiệu lực từ ngày 26/5/2025 đến ngày....../...../2025 (Ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày), kể từ ngày tháng năm 2025

Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy Chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc

các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp

- Giá trị của các thiết bị y tế trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực,

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ :

- Họ và tên:

- Số điện thoại:

....., Ngày.....tháng.....năm 2025

Đại diện công ty

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

